

Số: 57/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

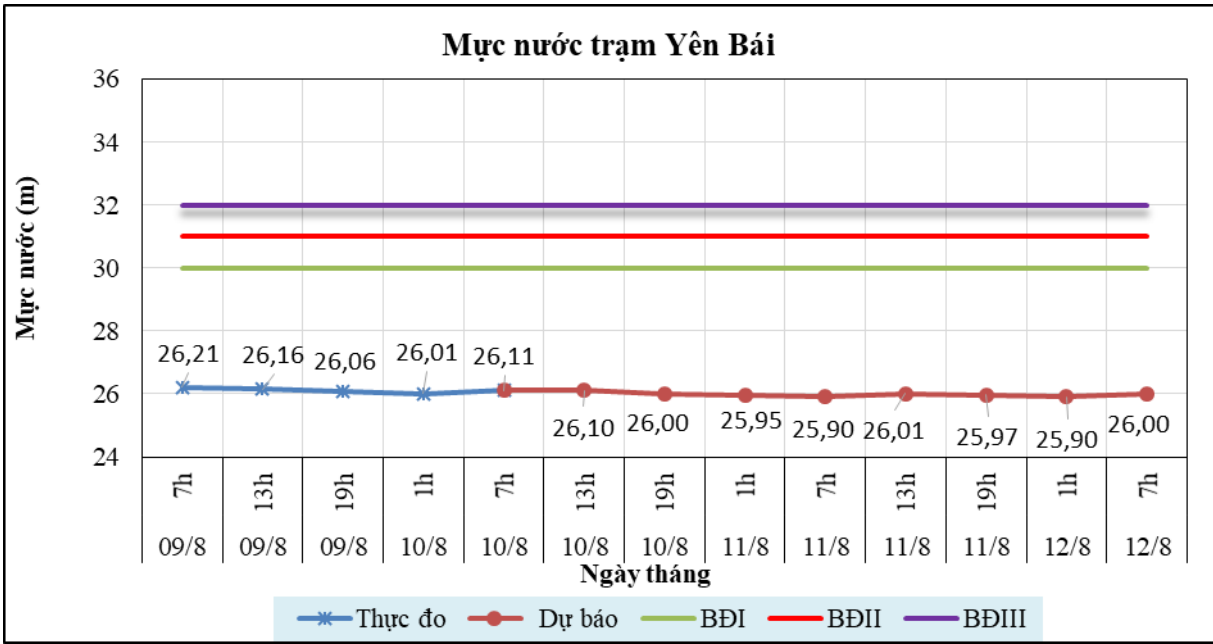
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

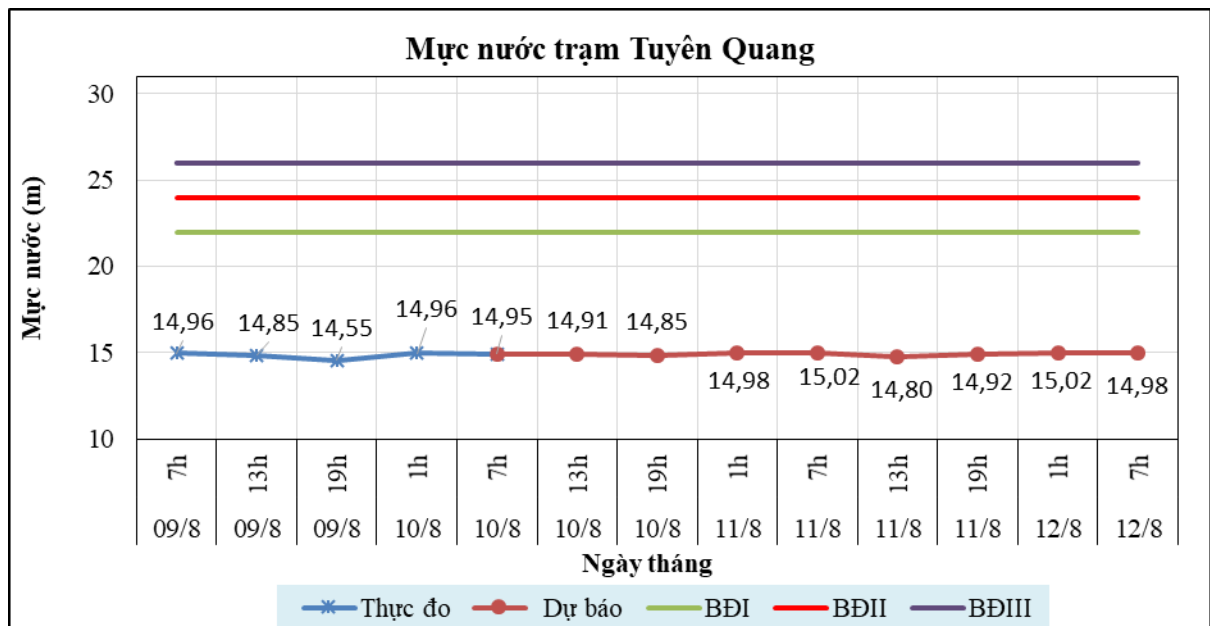
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

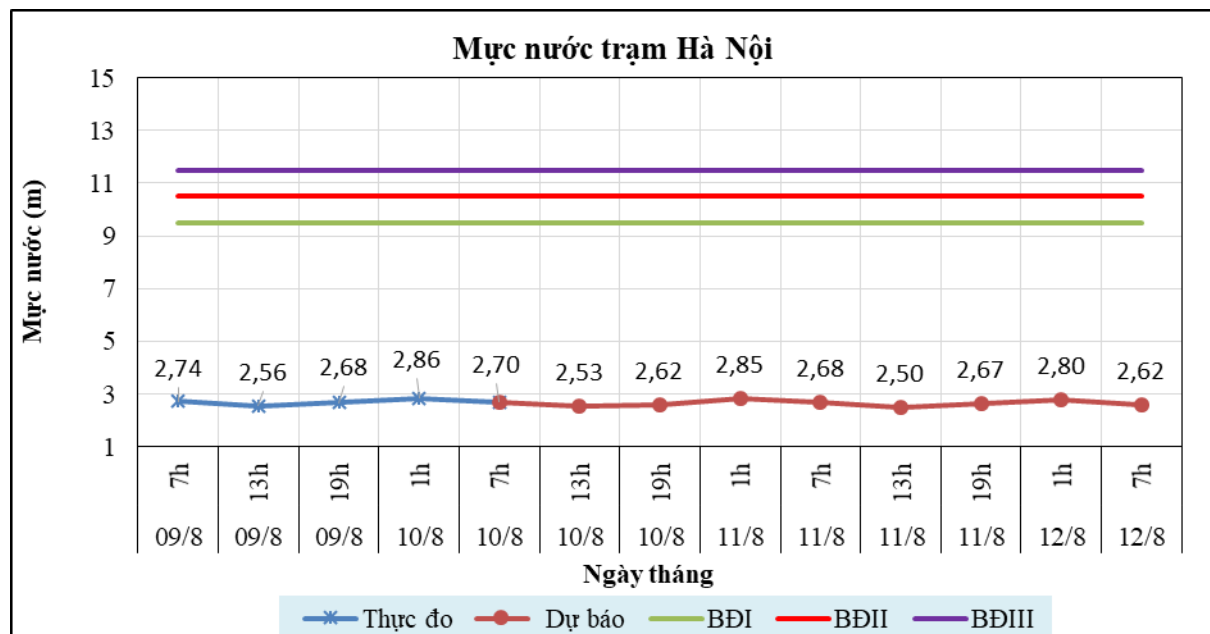
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

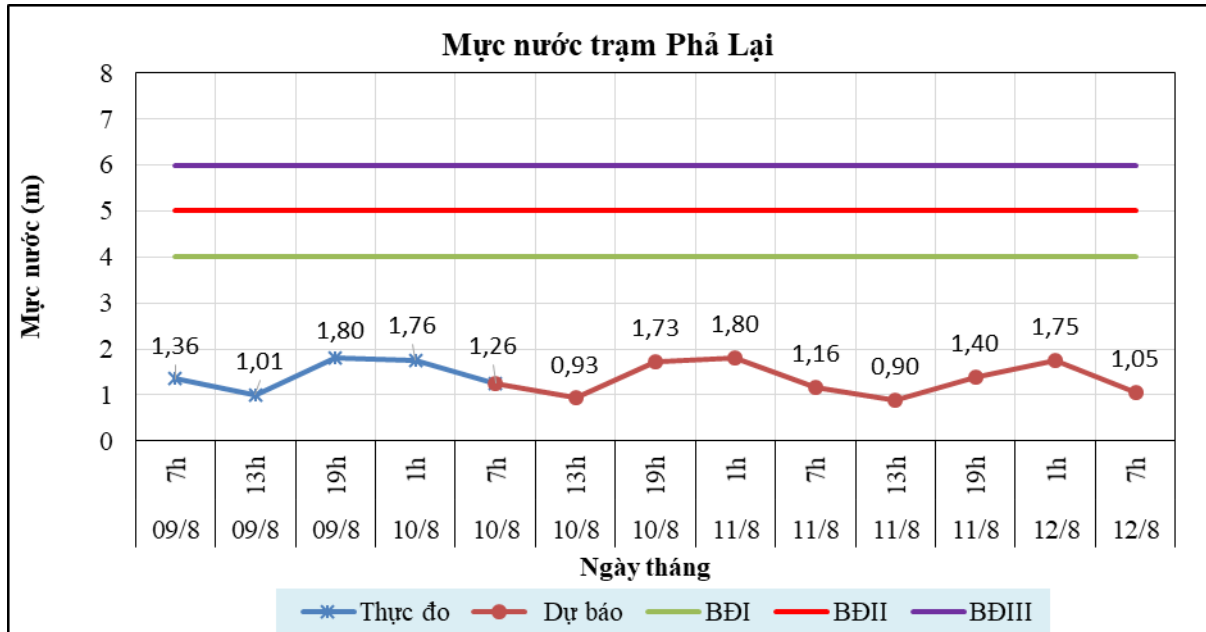
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

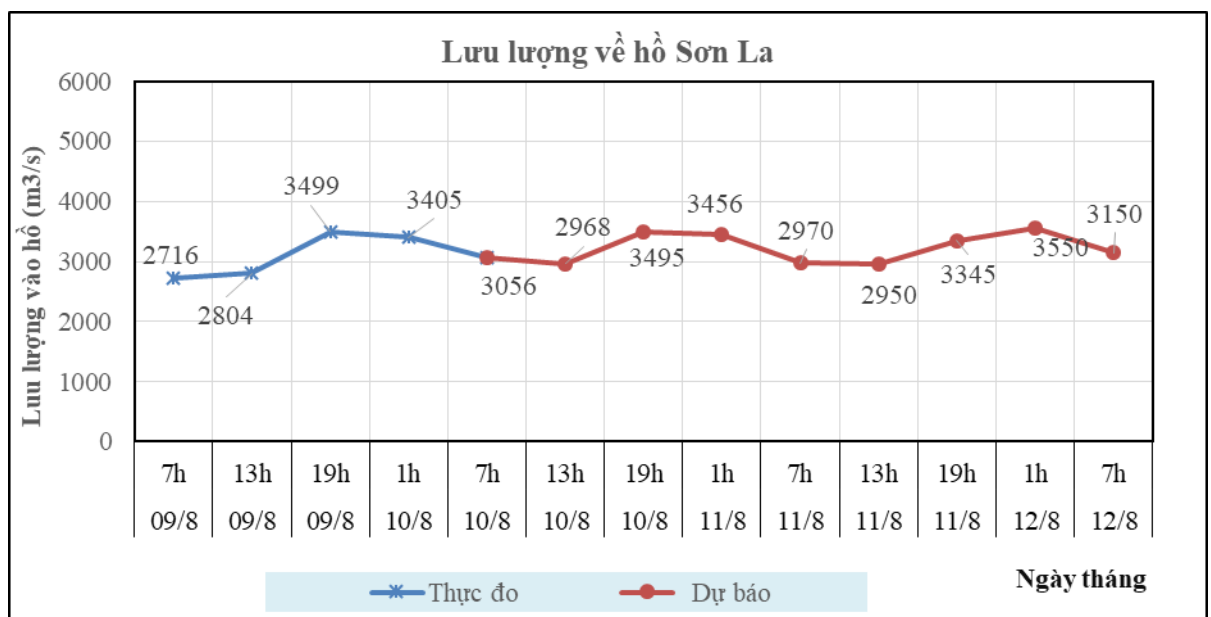
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

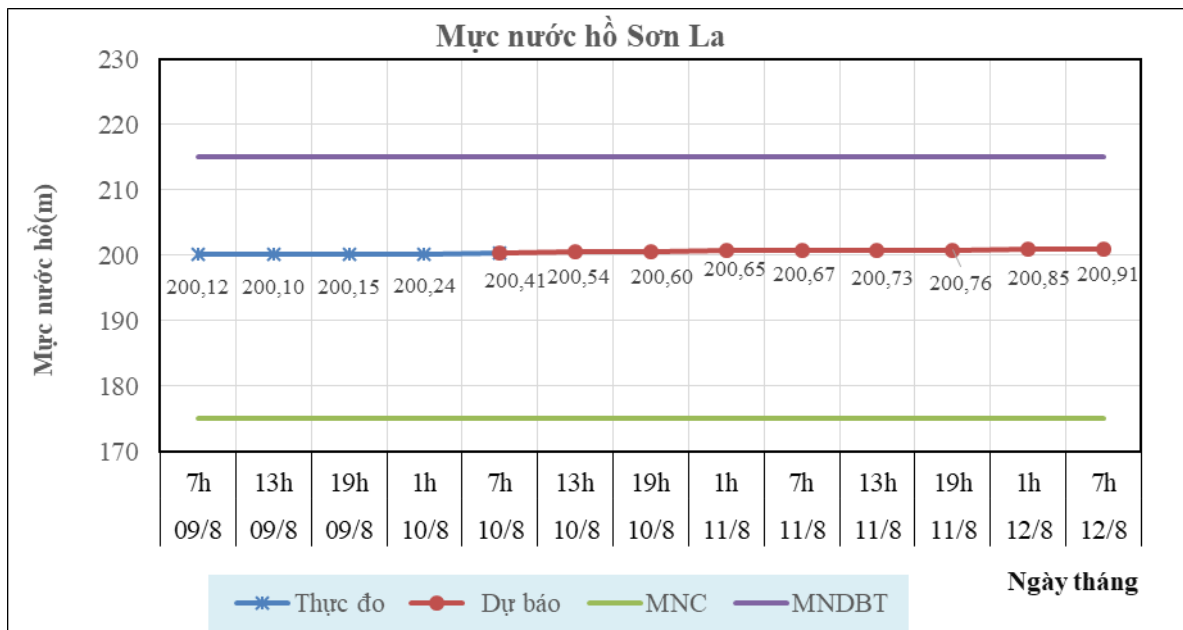
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/08/2025 đạt $3056\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 200,41m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2970\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 200,67m, 48h tới lưu lượng đạt $3150\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 200,91m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

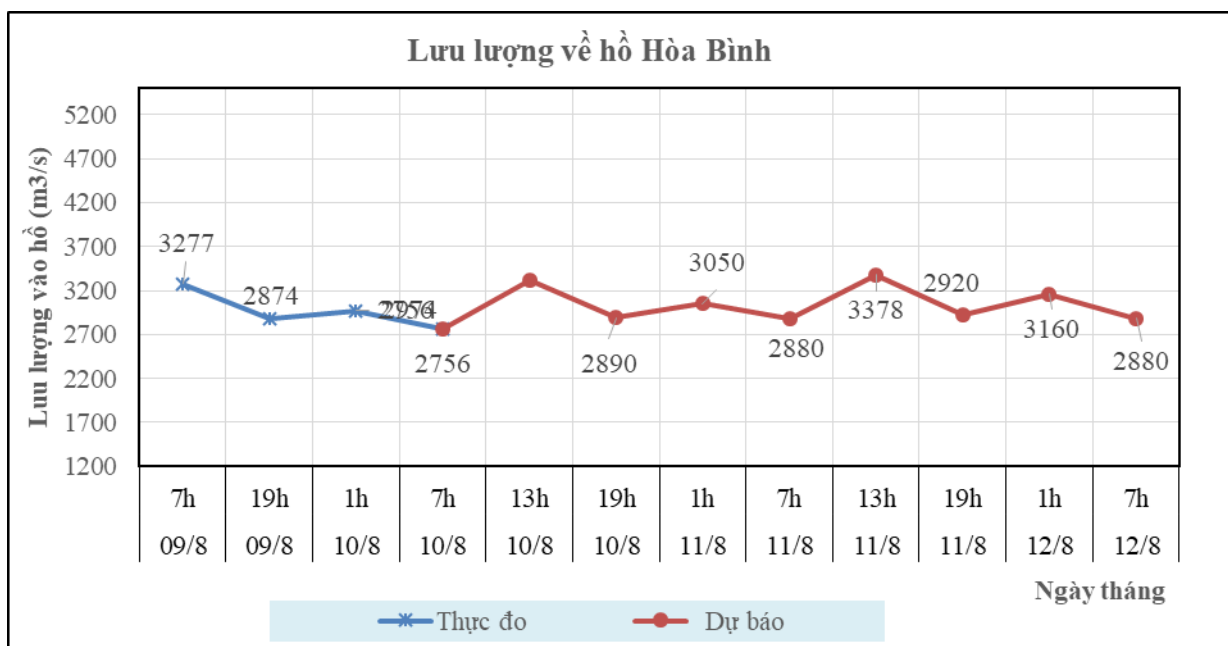
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

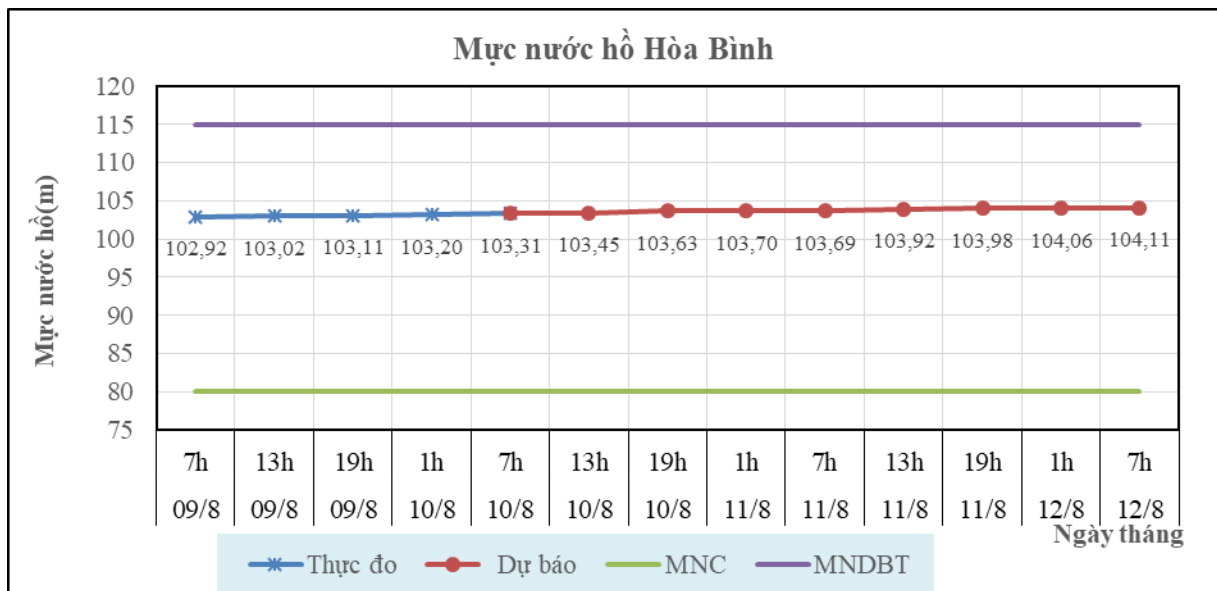
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/08/2025 đạt $2756\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 103,31m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2880\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 103,69m, 48h tới lưu lượng đạt $2880\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 104,11m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

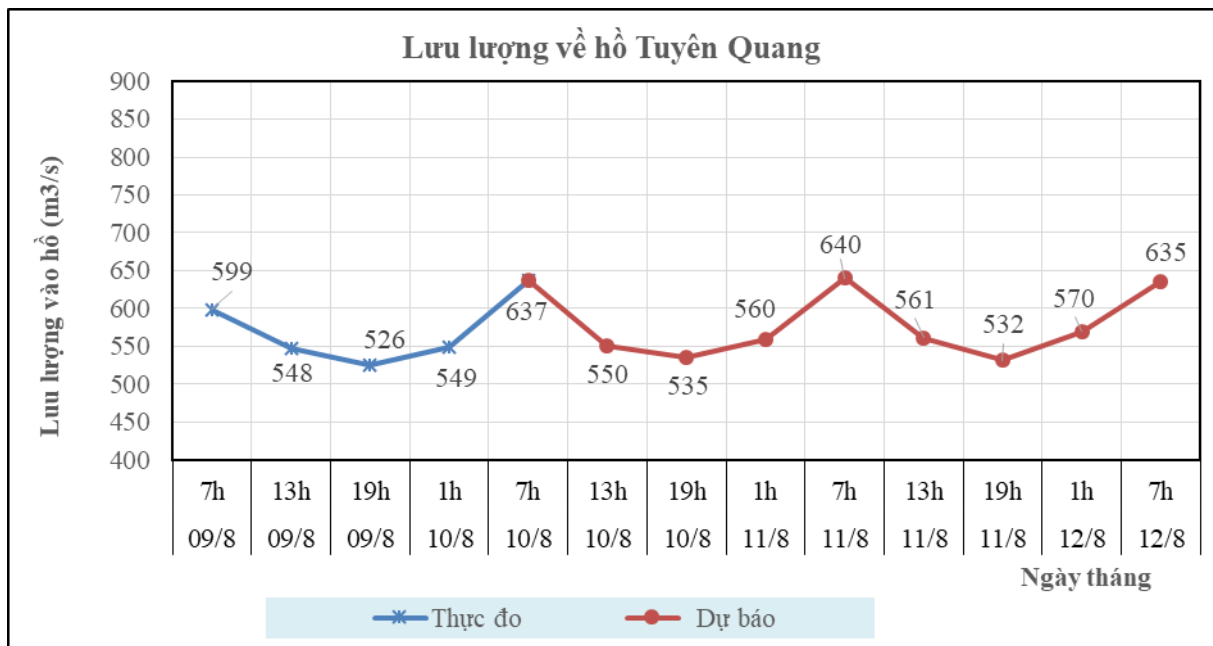
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

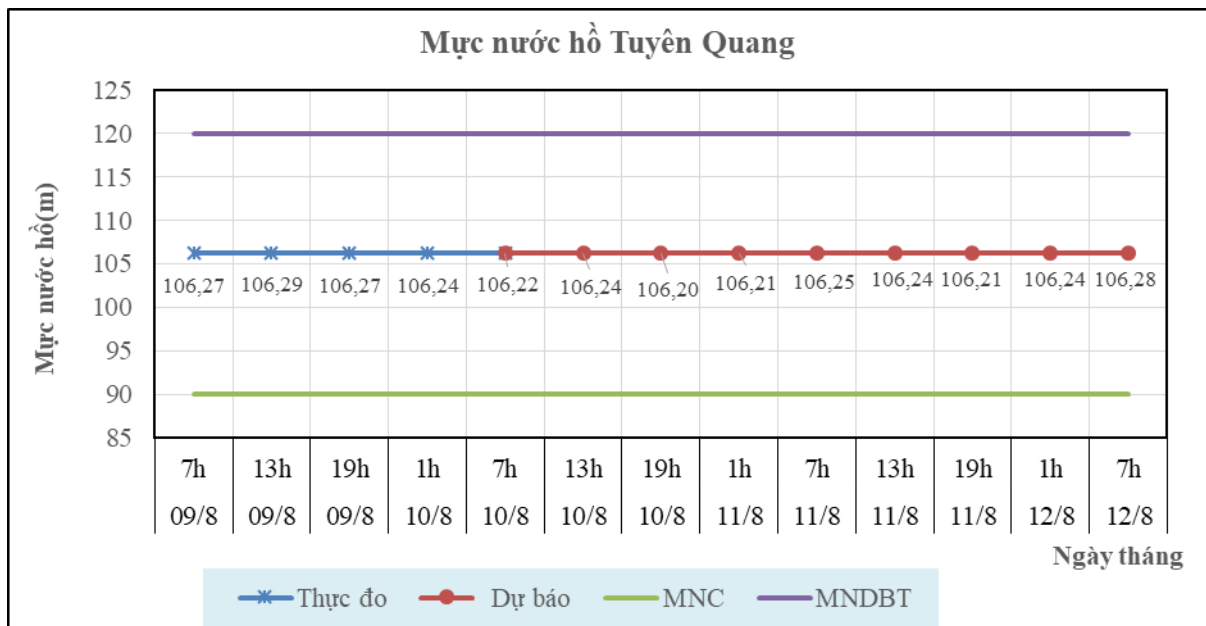
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/08/2025 đạt $637\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 106,22m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $640\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 106,25m, 48h tới lưu lượng đạt $635\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 106,28m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

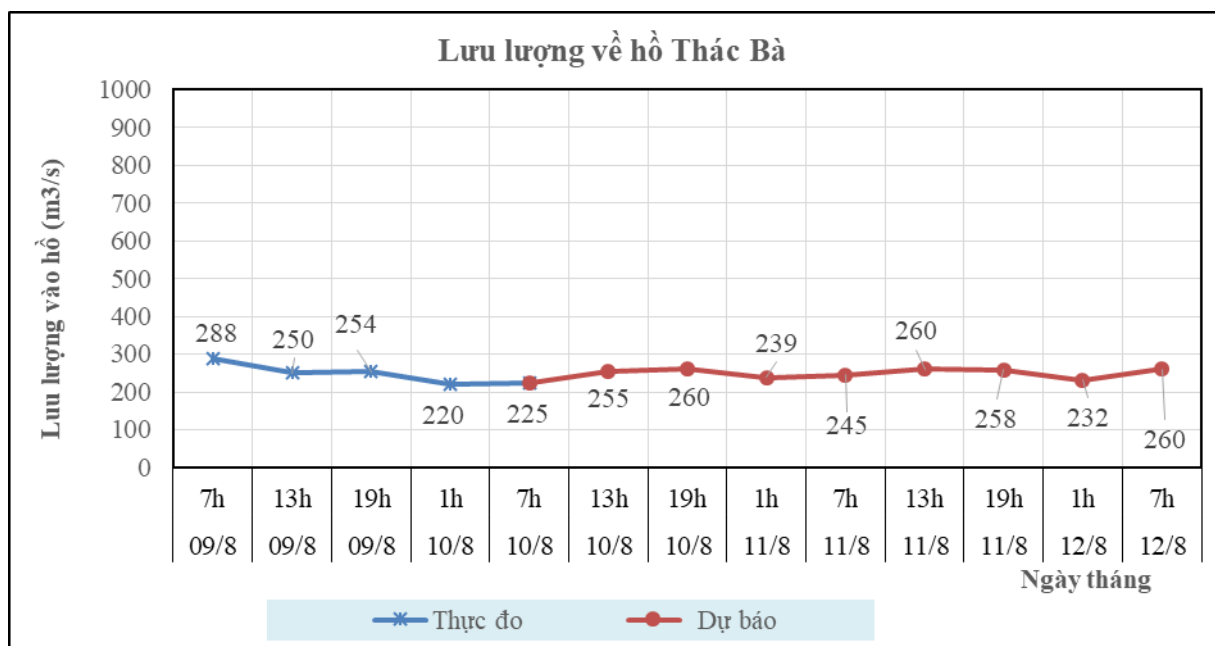
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

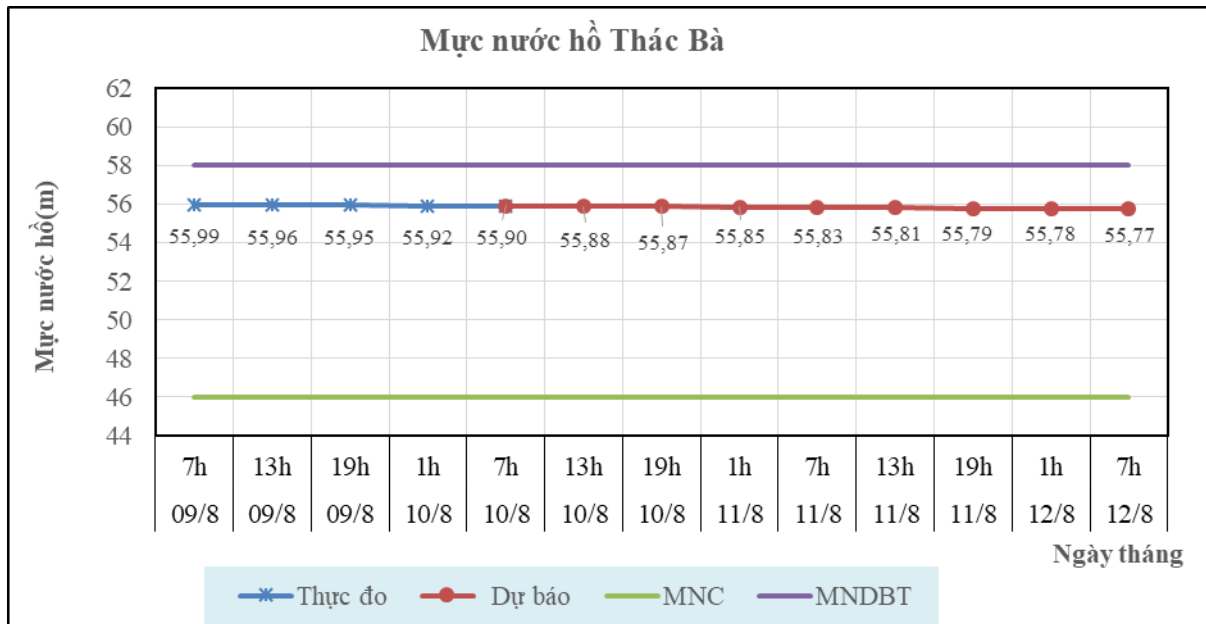
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 10/08/2025 đạt $225\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 55,9m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $245\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 55,83m, 48h tới lưu lượng đạt $260\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 55,77m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	10/08/2025	13h	0	0	2968	2620	200,54	0	0	3320	1240	103,45	0	0	550	700	106,24	0	0	255	400	55,88
2		19h	0	0	3495	2780	200,60	0	0	2890	2380	103,63	0	0	535	510	106,20	0	0	260	440	55,87
3	11/08/2025	1h	0	0	3456	3150	200,65	0	0	3050	2350	103,70	0	0	560	650	106,21	0	0	239	440	55,85
4		7h	0	0	2970	2800	200,67	0	0	2880	1340	103,69	0	0	640	480	106,25	0	0	245	430	55,83
5		13h	0	0	2950	2920	200,73	0	0	3378	2350	103,92	0	0	561	625	106,24	0	0	260	440	55,81
6		19h	0	0	3345	2950	200,76	0	0	2920	2370	103,98	0	0	532	526	106,21	0	0	258	441	55,79
7	12/08/2025	1h	0	0	3550	2680	200,85	0	0	3160	2360	104,06	0	0	570	600	106,24	0	0	232	390	55,78
8		7h	0	0	3150	2666	200,91	0	0	2880	2280	104,11	0	0	635	480	106,28	0	0	260	430	55,77